TẠP CHÍ
KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 03 (88) 2025
ISSN 1859-2635

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

TỔNG BIÊN TẬP
TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
TS. Nguyễn Duy Thụy - Chủ tịch
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Trần Minh Đức - Phó Chủ tịch
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Hoàng Hồng Hiệp
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

GS.TS. Nguyễn Hữu Minh
Hội Xã hội học Việt Nam

PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

PGS.TS. Nguyễn Hữu Thanh Tâm
EM Normandie Business School – Cộng hòa Pháp

TS. Trần Thị Sáu
Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

TS. Lê Xuân Thông
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Phạm Thị Xuân Nga
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Trịnh Thị Thu
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Phan Thị Sông Thương
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Nguyễn Thị Thanh Xuyên
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Lương Tình
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Lài Thị Vân
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Trương Thị Hạnh
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

BAN BIÊN TẬP
TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Anh
ThS. Châu Ngọc Hoè
ThS. Nguyễn Thị Thanh Thuỷ

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung
ISSN 1859 – 2635

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ **Số 03 năm 2025** **Năm thứ mười tám**

Mục lục

1. Từ địa kinh tế đến địa chính trị: BRI và những ranh giới mong manh trong hợp tác toàn cầu ... **3**
Nguyễn Hùng Vương, Đỗ Thị Xuân Hiền
2. Cạnh tranh địa chiến lược giữa EU và Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mê Kông.....**13**
Đặng Minh Đức
3. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc tại Đông Nam Á giai đoạn 2017 - 2024 dưới góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực **22**
Lê Thị Phương Loan, Bạch Thái Hiền
4. Phòng, chống lãng phí trong lĩnh vực kinh tế góp phần đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới**31**
Nguyễn Trung Hậu, Đặng Thu Thủy
5. Đổi mới quản lý nguồn nhân lực khu vực công tại Việt Nam: Thực trạng và đề xuất giải pháp theo hướng quản trị hiện đại.....**38**
Chử Đức Hoàng, Đàm Thị Hiền, Bùi Minh Chuyên
6. Phát triển bền vững du lịch vùng biên giới trong bối cảnh mới: Nghiên cứu trường hợp huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.....**47**
Hoàng Hồng Hiệp, Tống Thị Hải Hạnh, Nguyễn Thị Thanh Huyền
7. Thành phố Đà Nẵng đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hướng đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam **57**
Nguyễn Dũng Anh
8. Nghiên cứu tác động của việc thực thi trách nhiệm xã hội đến sự gắn kết công việc của nhân viên tại các cơ sở lưu trú cao cấp ở Khánh Hòa **66**
Lê Trần Phúc, Đoàn Nguyễn Khánh Trân, Huỳnh Cát Duyên
9. Mô hình tích hợp du lịch sinh thái và nông nghiệp hữu cơ tại Hội An: Tiềm năng và giải pháp phát triển bền vững.....**77**
Võ Hữu Hòa
10. Phân tích ý định hành vi chia sẻ tri thức – Trường hợp đội ngũ giảng viên thuộc Đại học Đà Nẵng **84**
Phạm Quang Tín, Nguyễn Thị Thanh Nhàn, Phanith Silavy
11. Nhận diện loại hình, mức độ xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi.....**93**
Châu Ngọc Hòe, Nguyễn Hoàng Yến
12. Phát huy Bài Chòi trong không gian đô thị Nam Trung Bộ.....**101**
Nguyễn Thị Thanh Xuyên
13. Vai trò của Phật giáo Đà Nẵng (xứ Quảng) trong đời sống xã hội giai đoạn thế kỉ XVII - XIX**109**
Lê Xuân Thông
14. Dấu tích thời đại đá cũ tại lưu vực sông Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.....**119**
Vũ Tiến Đức
15. Tái cấu trúc giá trị di sản nhà dài truyền thống của người Ê Đê phục vụ phát triển du lịch ở tỉnh Đắk Lắk.....**130**
Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Vũ Minh
16. Câu quan hệ so sánh trong sử thi Đăm Săn và sử thi Xing Nhã.....**137**
Phạm Thị Xuân Nga
17. Khai thác văn hóa Chăm để phát triển du lịch: Trường hợp các homestay ở Ninh Phước - Ninh Thuận ..**144**
Châu Nữ Hoàng Yến, Đổng Thành Danh

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01/04/2024, Giấy phép bổ sung số 81/GP-BVHTTDL ngày 24/7/2025. Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 03 năm 2025. In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiểu tháng 09/2025.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review **No. 03, 2025** **The 18th Year**

Contents

1. From geoeconomics to geopolitics: the BRI and the fragile boundaries of global cooperation **3**
Nguyen Hung Vuong, Do Thi Xuan Hien

2. Geostrategic competition between the EU and China in the Greater Mekong subregion..... **13**
Dang Minh Duc

3. U.S. - China Strategic Competition in Southeast Asia during 2017 – 2024 from a Realist Perspective..... **22**
Le Thi Phuong Loan, Bach Thai Hien

4. Preventing economic waste to boost Vietnam's strong advancement into a new era..... **31**
Nguyen Trung Hau, Dang Thu Thuy

5. Innovating public sector human resource management in Vietnam: Current situation and policy recommendations towards modern governance **38**
Chu Duc Hoang, Dam Thi Hien, Bui Minh Chuyen

6. Sustainable tourism development in Quảng Trị's border region in the new context: A case study of the former Hướng Hóa district..... **47**
Hoang Hong Hiep, Tong Thi Hai Hanh, Nguyen Thi Thanh Huyen

7. Đà Nẵng city's promotion of the development of science, technology, innovation, and digital transformation towards the Era of Nation's Rise..... **57**
Nguyen Dung Anh

8. Examining the Impact of implementing Corporate Social Responsibility on Employee Work Engagement in Luxury Accommodations in Khánh Hòa..... **66**
Le Tran Phuc, Doan Nguyen Khanh Tran, Huynh Cat Duyen

9. The integrated model of ecotourism and organic agriculture in Hoi An: Potentials and sustainable development solutions..... **77**
Vo Huu Hoa

10. An analysis of the knowledge sharing behavioral intentions: A case study of lecturers at the University of Danang..... **84**
Pham Quang Tin, Nguyen Thi Thanh Nhan, Phanith Silavy

11. Identifying Types and Levels of Social Conflict in the Economic Sector: Evidence from the Coastal Areas of Quang Ngai Province..... **93**
Chau Ngoc Hoe, Nguyen Hoang Yen

12. Promoting Bài Chòi in the urban contexts of the South Central Coast Region **101**
Nguyen Thi Thanh Xuyen

13. The Role of Buddhism in Da Nang (the Quang Region) in Social Life in the 17th–19th centuries..... **109**
Le Xuan Thong

14. Paleolithic Vestiges in the Krông Nô River Basin, Đắk Nông Province **119**
Vu Tien Duc

15. Restructuring the Heritage Value of the Ê Đê's Traditional Longhouses for Tourism Development in Đắk Lắk Province..... **130**
Nguyen Van Manh, Nguyen Vu Minh

16. Comparative relative sentences in the epics of Đăm Săn and Xing Nhã..... **137**
Pham Thi Xuan Nga

17. Exploiting Chăm culture for tourism development: The case of homestays in Ninh Phước - Ninh Thuận **144**
Chau Nu Hoang Yen, Dong Thanh Danh

Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc tại Đông Nam Á giai đoạn 2017 - 2024 dưới góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực

Lê Thị Phương Loan, Bạch Thái Hiền
Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng
Email liên hệ: ltploan@ufl.udn.vn

Tóm tắt: Quan hệ Mỹ - Trung trong thế kỷ XXI luôn có biến số khó lường và phức tạp. Năm 2017 đánh dấu bước ngoặt khi Trung Quốc theo đuổi chính sách ngoại giao nước lớn với tham vọng tái cấu trúc trật tự thế giới theo hướng có lợi ích cho mình, trong khi Mỹ chuyển sang cách tiếp cận cứng rắn, coi Trung Quốc là đối thủ duy nhất. Dưới góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực, trong hệ thống quốc tế vô chính phủ, cuộc cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc thể hiện rõ nỗ lực của mỗi bên trong việc tối đa hóa lợi ích quốc gia và kiểm soát môi trường địa chính trị. Nghiên cứu này phân tích động cơ, chiến lược và hành vi cạnh tranh của hai cường quốc tại Đông Nam Á giai đoạn 2017 - 2024 qua lăng kính của Chủ nghĩa Hiện thực, từ đó đề xuất một số khuyến nghị chính sách cho Việt Nam.

Từ khoá: Cạnh tranh chiến lược; quan hệ Mỹ - Trung Quốc; Chủ nghĩa Hiện thực; Đông Nam Á; Vô chính phủ.

U.S. - China Strategic Competition in Southeast Asia during 2017 - 2024 from a Realist Perspective

Abstract: U.S. - China relations in the 21st century have always been unpredictable and complicated. The year 2017 marked a turning point when China pursued a major power foreign policy aimed at restructuring the world order aligned with its own national interests, while the U.S. switched to a tougher approach, considering China as the sole rival. From a Realist perspective, in an anarchic international system, the strategic competition between the U.S. and China clearly demonstrates efforts of the two powers to maximize national interests and take control over the geopolitical environment. This paper analyzes their motivations, strategies and competitive behaviors in Southeast Asia in the period 2017 - 2024 from a Realist perspective, thereby proposing policy recommendations for Viet Nam.

Keywords: Strategic competition; U.S. - China relations; Realism; Southeast Asia; Anarchy.
Ngày nhận bài: 04/3/2025; **Ngày phản biện:** 17/3/2025; **Ngày duyệt đăng**: 10/8/2025

1. Đặt vấn đề

Trong thế kỷ XXI, mối quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc được nhận định là biểu hiện của "cạnh tranh chiến lược nước lớn" khi một siêu cường đang trỗi dậy là Trung Quốc thách thức vị thế của siêu cường đương nhiệm là Mỹ. Đông Nam Á, khu vực hội tụ các yếu tố mà cả Mỹ và Trung Quốc đều coi trọng, với vị trí địa chiến lược quan trọng, đã trở thành tâm điểm trong tính toán lợi ích của cả hai cường quốc, đặc biệt là từ khi Mỹ công bố chiến lược *Tái cân bằng* nhằm củng cố ảnh hưởng tại khu vực. Dưới góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực - lý thuyết coi trọng vai trò của quyền lực, lợi ích quốc gia và sự cạnh tranh không khoan nhượng giữa các cường quốc - cạnh tranh Mỹ - Trung tại Đông Nam Á có thể được lý giải như một cuộc đối đầu tất yếu khi hai nước tìm cách tối đa hóa ảnh hưởng, bảo vệ lợi ích quốc gia, và củng cố vị thế trong nỗ lực định hình cấu trúc khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Bài nghiên cứu này phân tích động cơ, chiến lược và hành vi của Mỹ và Trung Quốc tại Đông Nam Á giai đoạn 2017 - 2024 dưới lăng kính của Chủ nghĩa Hiện thực; từ đó, đề xuất một số khuyến nghị giúp Việt Nam đảm bảo lợi ích quốc gia, duy trì độc lập trong quan hệ quốc tế, và thích ứng hiệu quả với những biến động địa chính trị từ cuộc cạnh tranh chiến lược trong khu vực.

2. Chủ nghĩa Hiện thực trong nghiên cứu quan hệ quốc tế

2.1. Quyền lực và cân bằng quyền lực

Quyền lực và cân bằng quyền lực là những khái niệm trung tâm trong Chủ nghĩa Hiện thực. Năm 1948, Hans Morgenthau, một trong những học giả đặt nền móng cho lý thuyết Hiện thực

Chính trị (Political Realism), định nghĩa quyền lực là "năng lực kiểm soát và chi phối người khác" (Morgenthau, 1948). Theo John Mearsheimer, nhà lý luận hàng đầu của Chủ nghĩa Hiện thực tấn công (Offensive Realism), "quyền lực là phương tiện để đạt được bá quyền" (Mearsheimer, 2001). Tại Việt Nam, theo GS. Hoàng Khắc Nam, quyền lực là "năng lực thực hiện mục đích của chủ thể trong quan hệ quốc tế" (Hoàng Khắc Nam, 2016).

Cân bằng quyền lực, theo Morgenthau, "không chỉ là một thực tế mô tả sự phân phối quyền lực trong hệ thống quốc tế, mà còn là chính sách duy trì trạng thái cân bằng để ngăn chặn sự thống trị của một quốc gia" (Morgenthau, 1948). Kenneth Waltz, học giả tiêu biểu của Chủ nghĩa Hiện thực cấu trúc (Structural Realism), lại cho rằng cân bằng quyền lực là "kết quả tất yếu của hệ thống quốc tế vô chính phủ, nơi các quốc gia tự hành động để bảo vệ an ninh và vị thế của mình" (Waltz, 1979).

2.2. Vô chính phủ

Vô chính phủ đặc trưng bởi sự vắng mặt của một quyền lực trung tâm trong quan hệ quốc tế. Wendt (1992) cho rằng *vô chính phủ* không phải là một trạng thái bất biến mà có thể mang ý nghĩa khác tùy thuộc vào cách mà các quốc gia tương tác và xây dựng chuẩn mực xã hội. Theo đó, *vô chính phủ* có thể là không gian mà các quốc gia tương tác, hợp tác hoặc xung đột, tùy thuộc vào cách thiết lập quan hệ. Hoàng Khắc Nam (2017) định nghĩa vô chính phủ là tình trạng không có một quyền hành hay chính phủ siêu quốc gia nào ở trên quốc gia vì không quốc gia nào muốn bị chi phối, áp chế, can thiệp bởi một thế lực bên ngoài.

2.3. Hệ thống quốc tế và cấu trúc hệ thống quốc tế

Theo Morton Kaplan, hệ thống quốc tế là một tập hợp các quốc gia tương tác với nhau theo những quy tắc và cấu trúc nhất định, tạo thành một tổng thể có thể phân tích và dự đoán được. Theo đó, có sáu hệ thống quốc tế dựa trên cấu trúc phân bố quyền lực và các quy tắc tương tác giữa các quốc gia, bao gồm: (1) Hệ thống cân bằng quyền lực; (2) Hệ thống lưỡng cực chặt chẽ; (3) Hệ thống lưỡng cực linh hoạt; (4) Hệ thống toàn cầu; (5) Hệ thống có thứ bậc; (6) Hệ thống phủ quyết (Kaplan, 1957). Kenneth Waltz (1979) cũng cho rằng hệ thống quốc tế được tạo thành từ sự tương tác của các quốc gia có chủ quyền. Vì vậy, sự thay đổi của hệ thống quốc tế, ví dụ như thay đổi cách sắp xếp hay trật tự các bộ phận trong hệ thống, tức là thay đổi về vị thế của quốc gia trong hệ thống, có thể dẫn đến những thay đổi lớn lao trong quan hệ quốc tế. Theo Hoàng Khắc Nam, hệ thống quốc tế đóng vai trò như môi trường bên ngoài của quan hệ quốc tế, có tác dụng tạo thuận lợi hay khó khăn cho việc thực thi quan hệ và chính sách đối ngoại (Hoàng Khắc Nam, 2017).

2.4. Lợi ích quốc gia

Lợi ích quốc gia là nguyên tắc cơ bản chi phối hành động của quốc gia trong hệ thống quốc tế. Charles A. Beard cho rằng lợi ích quốc gia chỉ là một công thức trừu tượng vô nghĩa nếu không tính đến những tình huống bất trắc và phức hợp giá trị thực tế mà cá nhân sử dụng thuật ngữ này chấp nhận (Beard, 1934). Theo Hoàng Khắc Nam (2017), dưới lăng kính Chủ nghĩa Hiện thực, lợi ích quốc gia là yếu tố tối hậu, là định hướng ưu tiên cho mọi chính sách đối ngoại. Vì vậy, có thể xem đây là một khái niệm có tính khái quát hóa cao, gồm những nhu cầu sống còn của quốc gia: độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quân sự và thịnh vượng kinh tế.

3. Đông Nam Á trong tầm nhìn chiến lược của Mỹ và Trung Quốc giai đoạn 2017 - 2024

3.1. Vị trí của Đông Nam Á trong chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc giai đoạn 2017 - 2024

Giai đoạn 2017 - 2024, Đông Nam Á nổi lên như một trung tâm địa chính trị và kinh tế, nơi Mỹ và Trung Quốc không ngừng cạnh tranh để định hình trật tự khu vực theo hướng có lợi cho mình. Đông Nam Á nằm giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, là nút giao chiến lược kết nối các tuyến thương mại hàng hải quan trọng và là nơi hội tụ các quốc gia có tiềm năng kinh tế giữ vai trò chiến lược trong cấu trúc an ninh khu vực. Biển Đông là vùng biển có một trong mười tuyến hàng hải lớn nhất thế giới với khoảng 150 - 200 tàu qua lại mỗi ngày, chiếm 1/4 lưu lượng tàu hoạt động trên biển của thế giới. Đồng thời, với dân số hơn 678 triệu người, GDP đạt 3,9 nghìn tỷ USD và là nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới vào năm 2024 (USTR, 2024), Đông Nam Á là động lực tăng trưởng kinh tế toàn cầu, mang lại cơ hội hợp tác và cũng là nguồn xung đột lợi ích giữa các cường quốc.

Dưới góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực, Đông Nam Á là một "đấu trường" không thể thiếu vì trong hệ thống quốc tế vô chính phủ, quốc gia hành động để tối đa hóa sức mạnh nhằm đảm

bảo an ninh và vị thế quốc gia (Mearsheimer, 2001). Đông Nam Á không có nước bá chủ khu vực và cũng không "nghiêng hẳn" về phía cường quốc nào. Vì vậy, vai trò trung tâm của ASEAN và các cơ chế đa phương như Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS) hay Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) khiến Mỹ và Trung Quốc đều coi khu vực này là mắt xích quan trọng để đạt được mục tiêu cạnh tranh quyền lực toàn cầu. Trong khi Mỹ tìm cách duy trì vị thế bá quyền bằng cách thúc đẩy hệ thống quốc tế dựa trên luật lệ, Trung Quốc nỗ lực tái định hình trật tự khu vực mà Trung Quốc xem là "phòng thí nghiệm sân sau" (thí nghiệm sáng kiến ngoại giao đa phương và quyền lực mềm) để phục vụ lợi ích chiến lược quốc gia (Scobell, 2018). Bên cạnh đó, mặc dù ASEAN duy trì nguyên tắc đồng thuận và trung lập, các nước thành viên vẫn có chiến lược độc lập nhằm duy trì vị thế cân bằng và tăng cường khả năng đàm phán với các cường quốc. Ví dụ, Việt Nam và Indonesia thúc đẩy "tự chủ chiến lược" bằng cách mở rộng quan hệ đối tác đa phương mà không ngả hẳn về bên nào, trong khi Singapore và Philippines có cách tiếp cận linh hoạt, sẵn sàng hợp tác an ninh với Mỹ nhưng vẫn duy trì quan hệ kinh tế sâu rộng với Trung Quốc.

3.2. Chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc với Đông Nam Á giai đoạn 2017 - 2024

3.2.1. Chính sách của Mỹ

Giai đoạn 2017 - 2024 đánh dấu sự chuyển hướng rõ rệt trong chính sách đối ngoại của Mỹ với Đông Nam Á. ASEAN là đối tác thương mại hàng hóa lớn thứ tư và là điểm đến chính cho đầu tư nước ngoài của Mỹ (USTR, 2024). Chính quyền Tổng thống Trump xác định Đông Nam Á là khu vực trọng tâm trong chiến lược "Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở" (FOIP) vì vậy, chính sách đối ngoại với khu vực này là một chiến lược hỗn hợp (Nguyễn Ngọc Anh, 2019). Đến nhiệm kỳ của Tổng thống Biden, Mỹ đã nâng tầm quan hệ với ASEAN lên *Đối tác chiến lược toàn diện*, đồng thời sử dụng cách tiếp cận tăng cường hợp tác và tái can dự nhằm kiềm chế sự ảnh hưởng của Trung Quốc. Mỹ đã xây dựng và nâng cấp hàng loạt sáng kiến hợp tác đa phương với khu vực, điển hình như Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPS), Quan hệ Đối tác Mekong - Mỹ (MUSP), chương trình Tự do Hàng hải (FONOPs), Mạng lưới Điểm Xanh (BDN), Khung kinh tế "Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì sự thịnh vượng" (IPEF, 2022), v.v. (Grossman, 2023).

Tại Đông Nam Á, Biển Đông là nơi tập trung rõ nét nhất cuộc cạnh tranh quyền lực Mỹ - Trung. Đối với Mỹ, Biển Đông không chỉ mang tầm quan trọng chiến lược về tự do hàng hải mà còn là biểu tượng của cam kết duy trì trật tự quốc tế dựa trên luật lệ. Mỹ triển khai FONOPs nhằm thách thức yêu sách phi pháp của Trung Quốc, đồng thời khẳng định cam kết với các đồng minh và đối tác (Storey, 2020).

3.2.2. Chính sách của Trung Quốc

Trung Quốc xem Đông Nam Á như một *bàn cờ đối ngoại* nhằm triển khai nhiều sáng kiến thúc đẩy sự hiện diện toàn cầu của Trung Quốc và hạn chế sự hiện diện của Mỹ. Giai đoạn 2017 - 2024, Trung Quốc xác định Đông Nam Á là khu vực trọng tâm của Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI, 2013) - một chiến lược toàn cầu nhằm mở rộng tầm ảnh hưởng kinh tế và địa chính trị của Trung Quốc thông qua dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và tăng cường liên kết thương mại (Nguyễn Thu Hà, 2023). Dự án xây dựng hàng loạt đập thủy điện tại thượng nguồn sông Mekong là công cụ đắc lực trong chiến lược "ngoại giao thủy lợi" nhằm kiểm soát tài nguyên nước, ảnh hưởng tiêu cực đến sinh kế và an ninh nguồn nước của các quốc gia hạ nguồn như Việt Nam, Lào, và Campuchia (Trần Ngọc Dũng, 2022).

Bên cạnh đó, Biển Đông tiếp tục được Trung Quốc xác định là lợi ích cốt lõi và vùng đệm chiến lược bảo đảm an ninh quốc gia. Trung Quốc củng cố quyền kiểm soát thực tế thông qua việc xây dựng đảo nhân tạo, triển khai vũ khí và gia tăng hiện diện hải quân đồng thời tạo áp lực với các nước ASEAN có yêu sách chồng lấn. Trung Quốc cũng sử dụng nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ để tạo sự gần gũi với ASEAN và khuyến khích thúc đẩy hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, nhằm xoa dịu những lo ngại về chủ quyền và duy trì quan hệ hữu hảo (Zhao, 2021).

4. Thực tiễn cạnh tranh chiến lược của Mỹ và Trung Quốc tại Đông Nam Á giai đoạn 2017 - 2024

4.1. Trên lĩnh vực kinh tế

Giai đoạn 2017 - 2024 chứng kiến sự cạnh tranh kinh tế căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc tại Đông Nam Á. Dưới góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực, sự đối đầu này không chỉ vì lợi ích kinh tế

mà còn phản ánh nỗ lực mở rộng quyền lực thông qua đầu tư và thương mại quốc tế. Một trong những thực tiễn nổi bật là ảnh hưởng lan tỏa của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Khởi đầu từ năm 2018, cuộc xung đột bùng nổ khi Mỹ áp thuế quan cao lên hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và đối phó với các hành vi thương mại không công bằng. Mỹ thúc đẩy quá trình dịch chuyển các công ty sản xuất và kinh doanh ở Trung Quốc về nước hoặc đến các nước đối tác không có tham vọng cạnh tranh với Mỹ. Đáp lại, Trung Quốc sử dụng nhiều biện pháp trả đũa nhằm tạo sự đối trọng. Các công ty Trung Quốc đã tìm cách lắp ráp sản phẩm ở nước ngoài để tránh thuế quan và các hạn chế thương mại khác của Mỹ (Lê Thế Mẫu, 2020).

Để đối phó với sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc, đồng thời khắc phục khoảng trống trong hợp tác kinh tế với châu Á sau khi rút khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), chính quyền Biden - Harris đã triển khai IPEF nhằm định hình các tiêu chuẩn kinh tế và công nghệ để tạo ra khuôn khổ kinh tế đối trọng với mô hình thương mại của Trung Quốc nhằm giảm sự phụ thuộc của các nước ASEAN vào Trung Quốc.

Trong khi Mỹ nhấn mạnh các giá trị thương mại tự do và minh bạch, Trung Quốc sử dụng các khoản vay ưu đãi và dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quy mô lớn để thúc đẩy kết nối và thiết lập sự hiện diện kinh tế lâu dài. Ví dụ như các sáng kiến Hành lang Kinh tế Trung Quốc - Myanmar (CMEC), Hành lang Kinh tế Trung Quốc - Thái Lan (CTEC), và Sáng kiến Hợp tác Lancang - Mekong (LMC), v.v. Ngoài ra, thông qua các tập đoàn công nghệ lớn trong nước, ví dụ như Huawei, Trung Quốc đẩy mạnh triển khai mạng 5G và các dự án số hóa, mở rộng sự hiện diện trong hạ tầng công nghệ số của Đông Nam Á. Đáp lại, Mỹ liên tục cảnh báo về rủi ro an ninh khi sử dụng công nghệ Trung Quốc, khuyến khích các quốc gia xây dựng chuỗi cung ứng công nghệ *phi Trung Quốc,* tăng cường hỗ trợ các dự án kỹ thuật số nhằm gia tăng ảnh hưởng công nghệ tại Đông Nam Á, đồng thời thúc đẩy thỏa thuận bảo mật thông tin nhằm hạn chế sự hiện diện của các công ty công nghệ Trung Quốc.

4.2. Trên lĩnh vực an ninh - chính trị

Cạnh tranh Mỹ - Trung trên lĩnh vực an ninh - chính trị không chỉ thể hiện qua hoạt động tập trận chung mà còn mở rộng sang hợp tác quốc phòng và giải quyết vấn đề an ninh phi truyền thống.

Trong lĩnh vực an ninh, Mỹ tiếp tục đảm nhiệm vai trò "người bảo hộ" truyền thống bằng cách triển khai FOIP, thể hiện rõ ưu tiên duy trì trật tự dựa trên luật lệ. Từ năm 2017, Mỹ liên tục thúc đẩy các chương trình hợp tác quốc phòng song phương và đa phương nhằm cải thiện năng lực cho ASEAN, gia tăng tần suất và quy mô hoạt động FONOPs của Hải quân Mỹ tại Biển Đông. Các cuộc tập trận chung, hỗ trợ quân sự và chuyển giao công nghệ quốc phòng với Philippines, Thái Lan và Singapore đã tạo ra một mạng lưới phòng thủ khu vực nhằm kiềm chế ảnh hưởng quân sự của Trung Quốc (Thornton, 2020).

Ngược lại, Trung Quốc sử dụng sức mạnh kinh tế và công nghệ để củng cố vị thế an ninh tại khu vực. Trung Quốc hiện thực hóa các yêu sách lãnh thổ tại Biển Đông thông qua việc gia tăng lực lượng chấp pháp biển, dân binh biển, xây dựng tiền đồn quân sự và hệ thống phòng thủ tên lửa trên các đảo nhân tạo. Trung Quốc áp dụng chiến thuật "vùng xám" - sử dụng phương tiện dân sự như tàu cá và tàu khảo sát để duy trì áp lực lên các vùng biển tranh chấp. Bằng cách kết hợp hoạt động quân sự và phi quân sự, Trung Quốc đã tạo "áp lực mềm" lên các quốc gia Đông Nam Á, đặc biệt là Việt Nam, Philippines và Malaysia, mà không làm leo thang thành xung đột công khai (Storey, 2020).

Một trong những đặc điểm nổi bật của cạnh tranh an ninh Mỹ - Trung là phản ứng "qua lại" trong các hành động chiến lược. Mỗi động thái của Mỹ đều được Trung Quốc đáp trả bằng các biện pháp quân sự hoặc ngoại giao cứng rắn. Khi Mỹ tăng cường tuần tra FONOPs, Trung Quốc ngay lập tức điều động tàu chiến áp sát khu vực hoặc phát cảnh báo qua các kênh ngoại giao, nhằm khẳng định yêu sách của mình. Tương tự, khi Trung Quốc thiết lập các căn cứ quân sự mới trên Biển Đông, Mỹ gia tăng hiện diện quân sự thông qua AUKUS (Thỏa thuận quan hệ đối tác an ninh - quốc phòng ba bên giữa Australia - Anh - Mỹ) hoặc triển khai tàu sân bay đến khu vực.

Trong lĩnh vực chính trị, hai nước nỗ lực định hình hệ thống khu vực phù hợp với lợi ích quốc gia. Chính quyền Biden đã đẩy mạnh "ngoại giao giá trị quan" nhằm thúc đẩy các vấn đề dân chủ, nhân quyền và luật pháp quốc tế. Việc ký thỏa thuận quốc phòng mới với Philippines và Singapore thể hiện cách thức Mỹ cạnh tranh với Trung Quốc không chỉ bằng triển khai lực lượng mà còn thông

qua việc tăng cường liên kết chính trị trong khu vực (Hass, 2024). Ngược lại, Trung Quốc sử dụng ngoại giao kinh tế, với công cụ tài chính thuộc khuôn khổ BRI, để gia tăng ảnh hưởng với các quốc gia như Campuchia, Lào, và Indonesia. Sự phụ thuộc kinh tế này không chỉ giúp Trung Quốc thiết lập quan hệ chính trị chặt chẽ mà còn tạo đòn bẩy để gây sức ép khi các nước này có động thái nghiêng về phía Mỹ. Khi Mỹ thúc đẩy các liên minh an ninh đa phương như Tứ giác an ninh (QUAD) hoặc AUKUS, Trung Quốc đáp trả bằng việc củng cố quan hệ song phương với Campuchia và Lào, đồng thời gia tăng nỗ lực chia rẽ ASEAN. Những động thái này không chỉ làm gia tăng căng thẳng trong quan hệ Mỹ - Trung mà còn đẩy ASEAN vào tình thế lưỡng nan chiến lược khi vừa nỗ lực duy trì sự cân bằng giữa hai cường quốc vừa bảo vệ lợi ích quốc gia.

5. Giải thích cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc tại Đông Nam Á giai đoạn 2017 - 2024 theo lăng kính của Chủ nghĩa Hiện thực

5.1. Lợi ích quốc gia

Theo Chủ nghĩa Hiện thực, cạnh tranh Mỹ - Trung phản ánh nỗ lực không ngừng của hai nước trong việc mở rộng lợi ích quốc gia nhằm củng cố quyền lực - là mục tiêu tối thượng trong quan hệ quốc tế. Theo đó, Đông Nam Á là một trong những yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến cán cân quyền lực Mỹ - Trung (Tung - Chieh, 2011).

Sự gia tăng ảnh hưởng về kinh tế, quân sự và ngoại giao của Trung Quốc đã thúc đẩy Mỹ tăng cường hiện diện nhằm đảm bảo các đồng minh và trật tự khu vực không bị chuyển dịch về phía Trung Quốc. Đối với Mỹ, lợi ích quốc gia tại Đông Nam Á chủ yếu là bảo đảm tự do hàng hải theo Luật Biển quốc tế để xây dựng một trật tự khu vực do Mỹ lãnh đạo. Vì vậy, Mỹ đã nhiều lần khẳng định lợi ích lớn lao trong việc tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về tự do hàng hải. Các tuyên bố chính sách từ chính quyền Trump đến Biden đều nhất quán khẳng định cam kết với khu vực thông qua các sáng kiến như IPEF, MUSP, FONOPs, v.v. thể hiện rõ sự kết hợp giữa quyền lực cứng và quyền lực mềm nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và củng cố vị thế chiến lược (Meick et al., 2018).

Lợi ích của Trung Quốc lại là khả năng có thể hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc, từ đó tái cấu trúc quyền lực khu vực. Đồng thời, việc kiểm soát Biển Đông mang lại lợi thế chiến lược đáng kể khi có thể tạo ra một vùng đệm bảo vệ trên biển, từ đó hạn chế khả năng lực lượng hải quân bên ngoài, đặc biệt là Mỹ, đến gần bờ biển Trung Quốc. Trung Quốc nỗ lực đàm phán Bộ Quy tắc Ứng xử ở Biển Đông (COC) với ASEAN cũng nhằm xây dựng một khuôn khổ khu vực phù hợp với lợi ích của mình.

Tuy nhiên, theo góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực, những nỗ lực của Mỹ và Trung Quốc không phải là vì lợi ích chung mà chủ yếu đảm bảo lợi ích quốc gia. Các biện pháp và công cụ được cả hai nước sử dụng, từ hợp tác kinh tế đến quân sự, đều phản ánh nỗ lực gia tăng vị thế chiến lược và cân bằng quyền lực tại khu vực.

5.2. Cấu trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương giai đoạn 2017 - 2024

Cấu trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương giai đoạn 2017 - 2024 phản ánh rõ nét luận điểm về môi trường *vô chính phủ* của hệ thống quốc tế theo lăng kính Chủ nghĩa Hiện thực - tức là thiếu vắng một quyền lực lãnh đạo toàn cầu - khiến các quốc gia phải tăng cường tự cứu (self-help) và cân bằng quyền lực để đảm bảo an ninh, từ đó tạo ra môi trường cạnh tranh giữa các quốc gia (Hoàng Khắc Nam, 2017), đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc. Cả hai nước đều thực hiện cân bằng quyền lực tại Đông Nam Á thông qua hai phương thức: Cân bằng bên trong và Cân bằng bên ngoài. Mỹ có xu hướng củng cố quyền lực nội tại trước, sau đó tập trung cân bằng quyền lực bên ngoài, trong khi Trung Quốc thực hiện kết hợp, gia tăng đồng thời quyền lực bên trong và bên ngoài.

Mặc dù hợp tác vẫn là xu hướng chủ đạo của chính trị quốc tế thế kỷ XXI, nhưng từ góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực, sự hợp tác này mang tính chiến thuật và tạm thời vì lợi ích nhất thời hoặc một mối đe doạ chung mà không một quốc gia nào có thể tự giải quyết được, ví dụ như các vấn đề an ninh phi truyền thống. Các vấn đề này có tác động trực tiếp đến an ninh và phát triển của ASEAN, khiến các quốc gia phải điều chỉnh chính sách đối ngoại để vừa giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội vừa đảm bảo an ninh quốc gia. Tất nhiên, Mỹ và Trung Quốc đã nhanh chóng thể hiện vai trò dẫn dắt khu vực: Mỹ thể hiện vai trò lãnh đạo toàn cầu ứng phó với biến đổi khí hậu và đại dịch COVID-19, trong khi Trung Quốc nỗ lực đóng vai nhà cung cấp hàng hóa công cộng toàn cầu thông qua các khoản viện trợ quốc tế.

Bên cạnh đó, cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc còn thể hiện rõ *thế lưỡng nan an ninh* (security dilemma). Đây là tình huống khi một quốc gia tìm cách gia tăng năng lực quân sự hoặc mở rộng ảnh hưởng để đảm bảo an ninh, nhưng lại khiến các quốc gia khác cảm thấy bị đe dọa và có động thái đáp trả tương ứng, từ đó tạo ra một vòng xoáy leo thang căng thẳng (Jervis, 1978). Trong môi trường vô chính phủ của châu Á - Thái Bình Dương, Chủ nghĩa Hiện thực giải thích rằng việc tăng cường năng lực quân sự nhằm bảo đảm an ninh có thể vô tình kích hoạt phản ứng phòng thủ từ các quốc gia khác, tạo ra thế lưỡng nan an ninh. Cụ thể, khi Mỹ triển khai FONOPs và các liên minh chiến lược, Trung Quốc lại cảm nhận đó là mối đe dọa trực tiếp đến an ninh quốc gia. Đáp lại, Trung Quốc tăng cường quân sự hóa các vùng tranh chấp, từ đó không chỉ gia tăng căng thẳng mà còn khiến các quốc gia ASEAN phải tìm kiếm chiến lược cân bằng để bảo vệ lợi ích quốc gia. Vì vậy, thế lưỡng nan an ninh vừa là động lực thúc đẩy leo thang hoạt động quân sự của hai nước vừa phản ánh tính bất ổn của cấu trúc khu vực từ góc nhìn Chủ nghĩa Hiện thực.

5.3. Phê phán Chủ nghĩa Hiện thực

Cạnh tranh Mỹ - Trung tại Đông Nam Á giai đoạn 2017 - 2024, dưới góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực, được lý giải chủ yếu bởi các động lực quyền lực và an ninh trong hệ thống quốc tế vô chính phủ. Tuy nhiên, cách tiếp cận này không phản ánh đầy đủ sự phức tạp của mối quan hệ, đặc biệt khi xét đến sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng. Theo Chủ nghĩa Hiện thực, nhẽ ra căng thẳng Mỹ - Trung phải leo thang thành một cuộc chiến tranh quy mô lớn. Tuy nhiên, thực tế cho thấy mối quan hệ này còn bao hàm yếu tố hợp tác, đặc biệt trong các lĩnh vực như thương mại, biến đổi khí hậu và kiểm soát vũ khí hạt nhân. Do đó, Chủ nghĩa Hiện thực chưa thể lý giải đầy đủ về sự song hành giữa cạnh tranh và hợp tác trong quan hệ Mỹ - Trung. Lý thuyết của Chủ nghĩa Tự do lại có thể lý giải về sự phụ thuộc lẫn nhau này. Theo đó, hợp tác có thể thực hiện được dựa trên những tương đồng nhất định mà không nhất thiết phải có sự hài hòa tuyệt đối giữa các chủ thể quan hệ quốc tế (Hoàng Khắc Nam, 2017). Do đó, dù Mỹ và Trung Quốc tồn tại sự khác biệt về hệ tư tưởng, thể chế chính trị, văn hóa và theo đuổi ưu tiên lợi ích quốc gia khác nhau, thì cả hai vẫn có khả năng triển khai hợp tác trong các giai đoạn nhất định.

Bên cạnh đó, việc chỉ sử dụng lăng kính Chủ nghĩa Hiện thực để lý giải cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung dẫn đến cái nhìn phiến diện, bỏ qua vai trò của các thể chế đa phương, do ASEAN khởi xướng hoặc dẫn dắt, trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược nước lớn. Thực tế, ASEAN đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các sáng kiến đối thoại và hợp tác nhằm giảm thiểu căng thẳng và bảo vệ lợi ích chung. Chủ nghĩa Hiện thực tập trung vào vai trò của quốc gia như chủ thể trung tâm, tuy nhiên, trong thế kỷ XXI, các tập đoàn công nghệ, tổ chức phi chính phủ và tổ chức tài chính toàn cầu ngày càng có ảnh hưởng lớn hơn đến quan hệ quốc tế. Điều này cho thấy, ngoài các yếu tố quyền lực và lợi ích quốc gia, quan hệ quốc tế còn chịu ảnh hưởng bởi sự phụ thuộc lẫn nhau, sự tương tác của các chủ thể đa dạng, cũng như các chuẩn mực khu vực. Vì vậy, Chủ nghĩa Tự do có thể là một bổ sung quan trọng để giải thích khía cạnh này.

Hơn nữa, theo Chủ nghĩa Hiện thực, xung đột chủ yếu được giải thích bằng việc các quốc gia tìm cách tối đa hóa quyền lực trong một hệ thống quốc tế vô chính phủ. Điều này dẫn đến cách tiếp cận giản lược khi tập trung vào lợi ích vật chất mà bỏ qua những yếu tố phi vật chất như văn hóa, lịch sử và giá trị - vốn định hình hành vi và chiến lược quốc gia. Chủ nghĩa Hiện thực cho rằng các quốc gia hành động một cách duy lý (rational actors) nhằm tối đa hóa lợi ích. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều quyết định chính sách không hoàn toàn thuần lý trí mà chịu tác động đáng kể từ tâm lý lãnh đạo và diễn ngôn chính trị. Ví dụ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung không đơn giản là cạnh tranh kinh tế mà còn gắn liền với tâm lý dân túy của Tổng thống Trump trong nhiệm kỳ đầu tiên, khi ông thúc đẩy chính sách bảo hộ thương mại để làm hài lòng cử tri Mỹ. Chủ nghĩa Kiến tạo cung cấp một góc nhìn toàn diện hơn khi cho rằng cạnh tranh chiến lược phản ánh sự khác biệt cơ bản về hệ tư tưởng và văn hóa giữa hai quốc gia: Mỹ đại diện cho mô hình dân chủ tự do, trong khi Trung Quốc vận hành theo hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc. Sự khác biệt này ảnh hưởng sâu sắc đến cách thức quốc gia lựa chọn biện pháp cạnh tranh. Chủ nghĩa Kiến tạo lý giải rằng những hành vi này không chỉ phản ánh lợi ích quốc gia mà còn là sự xây dựng và tái xây dựng các giá trị, quy tắc và quan hệ quốc tế trong bối cảnh văn hóa và lịch sử của mỗi quốc gia.

6. Dự báo xu hướng cạnh tranh của Mỹ và Trung Quốc đến năm 2028 và Khuyến nghị chính sách cho Việt Nam

6.1. Dự báo xu hướng cạnh tranh của Mỹ và Trung Quốc đến hết năm 2028

Cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc dự báo sẽ tiếp tục gia tăng đến hết năm 2028, phản ánh bối cảnh địa chính trị ngày càng phức tạp. Dưới lăng kính Chủ nghĩa Hiện thực, hệ thống quốc tế vô chính phủ buộc cả hai cường quốc phải tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào quân sự, kinh tế và công nghệ. Các yếu tố như sự thay đổi chính sách đối ngoại, căng thẳng thương mại, các vấn đề toàn cầu và sự tham gia của ASEAN trong việc cân bằng ảnh hưởng sẽ tiếp tục đóng vai trò quyết định trong việc định hình cuộc cạnh tranh này.

Theo thuyết "bẫy Thucydides" (Allison, 2017), chiến tranh giữa Mỹ (cường quốc già) và Trung Quốc (cường quốc trẻ) là tất yếu vì nỗi sợ mất vị thế an ninh sẽ khiến cường quốc già phản ứng một cách quyết liệt, từ đó tạo ra một vòng xoáy leo thang dẫn đến xung đột. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, mặc dù căng thẳng và xung đột về quyền lực có xu hướng gia tăng, Mỹ và Trung Quốc vẫn phải hợp tác để giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống. Do đó, cạnh tranh Mỹ - Trung khó rơi vào "bẫy Thucydides" mà sẽ diễn ra theo quy luật "chọi gà" (chicken game) (Vuving, 2020). Nghĩa là, tuy Mỹ và Trung Quốc vẫn sẽ duy trì quan điểm cứng rắn, nhưng cả hai đều hiểu rằng trên bờ vực xung đột, nếu không nhượng bộ, rủi ro sẽ rất lớn. Do đó, dự báo trong tương lai, cả hai nước có thể tránh được chiến tranh bằng cách duy trì chiến lược đối đầu trên bờ vực nhưng vẫn sẵn sàng nhượng bộ khi rủi ro leo thang quá cao.

Tuy nhiên, căng thẳng quân sự giữa Trung Quốc và một số nước ASEAN tại Biển Đông có thể leo thang nếu Trung Quốc tiếp tục quân sự hóa các thực thể tranh chấp hoặc thiết lập vùng nhận dạng phòng không (ADIZ). Việc Mỹ tăng cường hiện diện quân sự, gồm mở rộng FONOPs và hỗ trợ an ninh cho ASEAN, trong khi Trung Quốc đẩy mạnh quân sự hóa khu vực, có thể gia tăng nguy cơ va chạm trên biển hoặc đối đầu gián tiếp thông qua các đồng minh và đối tác chiến lược. Trong trường hợp Philippines kích hoạt Hiệp ước Phòng thủ chung với Mỹ hoặc Việt Nam tăng cường hiện diện quân sự trên các thực thể đang kiểm soát, tình hình có thể biến thành đối đầu quân sự cục bộ. Khi đó, các cuộc chạm trán giữa Mỹ và Trung Quốc có thể diễn ra thường xuyên hơn, gia tăng nguy cơ đối đầu trong vùng xám (gray zone conflict). Đồng thời, khi Trung Quốc tăng cường quan hệ với Campuchia, Myanmar và Lào, Mỹ củng cố hợp tác an ninh với Philippines và Singapore sẽ làm gia tăng căng thẳng và rủi ro đối đầu gián tiếp thông qua nước thứ ba.

Việc Tổng thống Trump tái đắc cử nhiệm kì 2025 - 2029 dẫn đến một số kịch bản cạnh tranh mới tại Đông Nam Á. Trong nhiệm kỳ đầu tiên, Tổng thống Trump theo đuổi phương châm "Nước Mỹ trên hết" với trọng tâm là đối đầu với Trung Quốc, dẫn đến sự ưu tiên chính sách bảo hộ kinh tế và thúc đẩy chuyển dịch sản xuất về Mỹ. Những quyết định này đã làm giảm sự cam kết với ASEAN, khiến ASEAN - vốn theo đuổi chiến lược "hedging" (phòng bị rủi ro) giữa Mỹ và Trung Quốc - bị bỏ quên (Jaehyon, 2024). Dự báo đến hết năm 2028, chính sách đối ngoại của Mỹ có thể ít ưu tiên Đông Nam Á hơn, chỉ can thiệp quân sự và chính trị khi điều đó phục vụ lợi ích của Mỹ. Việc Tổng thống Trump rút Mỹ ra khỏi các khung hợp tác đa phương như WHO, Thỏa thuận khí hậu Paris, v.v. ngay khi tái đắc cử có thể thúc đẩy vai trò dẫn dắt của Trung Quốc trong hợp tác khu vực, khiến Trung Quốc giành được lợi thế chiến lược tạm thời so với Mỹ. Tuy nhiên, chính quyền Trump vẫn sẽ can dự vào Biển Đông với lập trường cứng rắn nhằm kiềm chế Trung Quốc, chỉ khi điều đó mang lại lợi ích cụ thể.

Tóm lại, cạnh tranh Mỹ - Trung đến hết năm 2028 sẽ ngày càng phức tạp không chỉ trên mặt trận kinh tế và quân sự mà còn trong các vấn đề toàn cầu. Các quốc gia ASEAN, gồm Việt Nam, mặc dù đã khéo léo cân bằng trong quan hệ với cả Mỹ và Trung Quốc, vẫn có khả năng phải đối mặt với áp lực lớn hơn trong việc "chọn phe". Dù vậy, các bên vẫn sẽ duy trì hợp tác trong những lĩnh vực có lợi ích chung, tạo ra mối quan hệ vừa đối đầu vừa hợp tác - đặc trưng của hệ thống quốc tế theo quan điểm Chủ nghĩa Hiện thực.

6.2. Khuyến nghị chính sách dành cho Việt Nam

Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt giữa Mỹ và Trung Quốc tại Đông Nam Á, Việt Nam đứng trước một loạt cơ hội và thách thức. Theo lý thuyết cân bằng quyền lực,

các quốc gia có xu hướng điều chỉnh chính sách đối ngoại nhằm duy trì sự ổn định và bảo vệ lợi ích quốc gia (Hoàng Khắc Nam, 2017). Việt Nam cần kết hợp các giải pháp cân bằng quyền lực bên ngoài và bên trong, cụ thể:

Khuyến nghị đầu tiên là Việt Nam cần duy trì chính sách đối ngoại độc lập và đa dạng hóa các mối quan hệ đối ngoại. Việc củng cố quan hệ song phương, nâng tầm quan hệ đa phương sẽ giúp Việt Nam tránh bị kẹt giữa Mỹ và Trung Quốc, đồng thời tạo ra nhiều cơ hội tối đa hoá nguồn lực nhằm giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước. Việt Nam có thể tận dụng các cơ chế đa phương của ASEAN để thúc đẩy hợp tác kinh tế và chính trị, đồng thời giữ vững sự trung lập trong các vấn đề mà Mỹ và Trung Quốc có lợi ích đối lập.

Thứ hai, Việt Nam cần tập trung phát triển các ngành công nghiệp chiến lược, đặc biệt là công nghệ cao và năng lượng tái tạo để giảm thiểu sự phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài. Việt Nam phải có một chiến lược rõ ràng để tăng cường sự tự chủ trong sản xuất và chuyển giao công nghệ, giảm thiểu sự phụ thuộc vào các cường quốc và nâng tầm ảnh hưởng quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa. Trung Quốc thông qua sáng kiến "Made in China 2025" đã đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ cao và sản xuất thông minh, trong khi Mỹ lại tập trung vào trí tuệ nhân tạo, 5G và công nghệ điện tử. Việt Nam có thể tận dụng những xu hướng này để phát triển các ngành công nghệ thông tin, điện tử và năng lượng tái tạo.

Thứ ba, Việt Nam cần tăng cường hợp tác an ninh với các đối tác chiến lược, đặc biệt là Mỹ, Nhật Bản và Ấn Độ. Trong bối cảnh Biển Đông trở thành điểm nóng cạnh tranh chiến lược, Việt Nam cần tích cực tham gia vào đối thoại và hợp tác trong khuôn khổ ARF, ADMM+, v.v. nhằm nâng cao năng lực phòng thủ và đảm bảo an ninh quốc gia, đồng thời thể hiện cam kết bảo vệ tự do hàng hải và các nguyên tắc quốc tế về an ninh khu vực.

Bên cạnh đó, Việt Nam có thể vận dụng *ngoại giao cây tre* để xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Các chương trình giao lưu văn hóa, hợp tác giáo dục, và sáng kiến nghiên cứu về biến đổi khí hậu và an ninh phi truyền thống có thể giúp Việt Nam tạo dựng hình ảnh quốc gia có trách nhiệm trong nỗ lực giải quyết các vấn đề toàn cầu, đồng thời tạo ra nhiều mối quan hệ đối tác chiến lược quan trọng trong khu vực.

7. Kết luận

Dưới góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực, cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc tại Đông Nam Á giai đoạn 2017 - 2024 được lý giải như một cuộc đối đầu tất yếu trong hệ thống quốc tế vô chính phủ. Từ việc mở rộng các liên minh quân sự, thúc đẩy tự do hàng hải của Mỹ đến gia tăng ảnh hưởng thông qua BRI của Trung Quốc, Đông Nam Á đã trở thành trung tâm của cạnh tranh quyền lực. Điều này không chỉ gia tăng áp lực lên các nước trong khu vực mà còn đặt ra những thách thức nghiêm trọng với ASEAN trong việc duy trì vai trò trung tâm và sự đoàn kết nội khối. Đồng thời, nó cũng phản ánh bản chất của hệ thống quốc tế - nơi các quốc gia buộc phải tự lực hành động vì lợi ích quốc gia trong một môi trường không có quyền lực trung tâm bảo vệ. Tuy nhiên, ngoài các yếu tố xung đột, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa Mỹ và Trung Quốc về kinh tế và các vấn đề toàn cầu cũng cho thấy sự cạnh tranh này không hoàn toàn đối đầu mà còn có các yếu tố hợp tác đan xen.

Từ góc độ Việt Nam, việc phân tích thực tiễn cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc không chỉ mang ý nghĩa lý luận mà còn có giá trị thực tiễn sâu sắc. Nghiên cứu này đã làm rõ tác động của cuộc cạnh tranh lên môi trường an ninh, kinh tế và chính trị khu vực, từ đó khuyến nghị chính sách giúp Việt Nam đảm bảo lợi ích quốc gia, duy trì độc lập, tự chủ và đóng vai trò tích cực trong quan hệ quốc tế.

Tài liệu tham khảo

Allison, G. (2017). *Destined for War: Can America and China Escape Thucydides's Trap?* New York: Houghton Mifflin Harcourt.

Beard, C. A. (1934). *The Idea of National Interest: An Analytical Study in American Foreign Policy*. New York: Macmillan.

Grossman, D. (2023). Biden's Half-Hearted Policy Towards Southeast Asia. Truy xuất từ: https://foreignpolicy.com/2023/01/10/southeast-asia-asean-china-biden-us-policy/, 20/2/2025.

Hass, R. (2024). Avoiding War in the South China Sea: How America Can Support the Philippines Without Fighting China. *Foreign Affairs*. Truy xuất từ: https://www.foreignaffairs.com-/united-states/avoiding-war-south-china-sea, ngày 20/02/2025.

Hoàng Khắc Nam. (2016). *Nhập môn Quan hệ quốc tế*. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

Hoàng Khắc Nam. (2017). *Lý thuyết Quan hệ quốc tế*. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

Jaehyon, L. (2024). Trump 2.0 and Southeast Asia: From Disengagement to Non-Confidence? *The Asan Institute for Policy Studies*. Truy xuất từ: https://en.asaninst.org/contents/trump-2-0-and-southeast-asia-from-disengagement-to-non-confidence/, ngày 20/02/2025.

Jervis, R. (1978). Cooperation under the Security Dilemma. *World Politics*, 30(2), 167-214.

Kaplan, M. A. (1957). *System and Process in International Politics*. New York: John Wiley & Sons.

Lê Thế Mẫu. (2020). Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc tác động đến các nước Đông Nam Á. *Quốc phòng toàn dân*. Truy xuất từ: http://tapchiqptd.vn/vi/binh-luan-phe-phan/canh-tranh-chien-luoc-my-trung-quoc-tac-dong-den-cac-nuoc-dong-nam-a/15670.html, ngày 15/01/2025

Meick, E., Ker, M., Chan, H. M. (2018). China's Engagement in the Pacific Islands: Implications for the United States. *U.S.-China Economic and Security Review Commission*. Truy xuất từ: https://www.uscc.gov/sites/default/files/Research/China-Pacific%20Islands%20Staff%20Report.pdf, ngày 20/02/2025.

Mearsheimer, J. J. (2001). *The Tragedy of Great Power Politics*. New York: W.W. Norton & Company.

Morgenthau, H. J. (1948). *Politics Among Nations: The Struggle for Power and Peace*. New York: Alfred A. Knopf.

Nguyễn Ngọc Anh. (2019). Chiến lược kiềm chế Trung Quốc của Mỹ và tác động của nó đến quan hệ Mỹ - Trung nhìn từ cấp độ hệ thống. *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài*, 35(2), 15-29.

Nguyễn Thu Hà. (2023). Sáng kiến "Vành đai, con đường" của Trung Quốc: Một thập kỷ nhìn lại. *Lý luận chính trị,* (549), tr.150-155.

Storey, I. (2020). The South China Sea Dispute in 2020-2021. *ISEAS Perspective*, 97(2020), pp.1-12.

Scobell, A. (2018). The South China Sea and U.S.-China Rivalry. *Political Science Quarterly*, 133(2), 199-224.

Tung - Chieh, T. et al. (2011). China's foreign policy in Southeast Asia: Harmonious worldview and its impact on good neighbor diplomacy. *Journal of Contemporary Eastern Asia*, 10(1), 25-42.

Thornton, S. (2020). Averting Conflict in the South China Sea: Steps to Restore Rules and Restraint, in trong Hass, R. et al., ed., *The Future of U.S. Policy toward China: Recommendations for the Biden administration*. Johns L. Thornton China Center, Brookings Institute, and Paul Tsai China Center, Yale Law School, 46-51.

Trần Ngọc Dũng. (2022). Cạnh tranh ảnh hưởng của Trung Quốc và Mỹ ở Tiểu vùng sông Mekong trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI. Nghiên cứu Đông Bắc Á, 4(354), 3-12.

USTR. (2024). Association of Southeast Asian Nations (ASEAN). Truy xuất từ https://ustr.gov/countries-regions/southeast-asia-pacific/association-southeast-asian-nations-asean, ngày 20/02/2025

Vuving, A. L. (2020). *Hindsight, Insight, Foresight: Thinking about Security in the Indo-Pacific*. Daniel K. Inouye Asia-Pacific Center for Security Studies.

Waltz, K. (1979). *Theory of international politics*. Reading, Mass.: Addison-Wesley Publishing Co.

Wendt, A. (1992). Anarchy is What States make of it: The Social Construction of Power Politics. *International Organization*, *46*(2), 391-425.

Zhao, S. (2021). *The Making of China's Foreign: Policy in the 21st Century*. Word Scientific Publishing.